

NGHIÊN CỨU MỘT SỐ YẾU TỐ NHÂN KHẨU HỌC ẢNH HƯỞNG ĐẾN TỶ LỆ BỎ HỌC CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC TỪ XA TRỰC TUYẾN

Nguyễn Quỳnh Anh, Nguyễn Thị Hương An**

Email: quynhanhng@hou.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 05/4/2023

Ngày phản biện đánh giá: 04/10/2023

Ngày bài báo được duyệt đăng: 27/10/2023

DOI: 10.59266/houjs.2023.319

Tóm tắt: Giáo dục Mở và Từ xa (ODE) đã hình thành và phát triển trong nhiều năm quá đã đóng góp trong việc xây dựng xã hội học tập. Các trường đại học mở, trong đó có Trường Đại học Mở Hà Nội (Trường ĐHMHN) đã tạo ra tác động lớn của giáo dục mở đến ngày càng nhiều người tham gia học tập. Tham gia các khóa học trực tuyến, người học có thể tiết kiệm chi phí đi lại và thời gian học bởi vì đào tạo từ xa trực tuyến cung cấp kế hoạch học tập linh hoạt, cho phép người học có thể học mọi lúc mọi nơi với hệ thống học trực tuyến. Tuy nhiên, trong quá trình đào tạo những năm gần đây, tình trạng sinh viên không hoàn thành một hoặc một số học phần dẫn đến không thể hoàn thành khóa học trực tuyến (EHOU) ngày càng tăng. Việc phân tích dựa trên các tài liệu hiện có (số liệu thống kê, các báo cáo...) và tập trung vào sinh viên chương trình EHOU đã nghỉ học. Số liệu được phân tích bằng phương pháp thống kê mô tả, phương pháp so sánh đối chiếu và phân tích tổng hợp. Dựa trên kết quả phân tích tác động của các nhân tố nhân khẩu học (giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn), bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm giảm thiểu tỷ lệ bỏ học của sinh viên đại học từ xa trực tuyến.

Từ khóa: Trường Đại học Mở Hà Nội, sinh viên bỏ học, đào tạo trực tuyến, yếu tố nhân khẩu học, đặc điểm nhân khẩu học

I. Đặt vấn đề:

Trong bối cảnh của thời đại Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0), đào tạo trực tuyến đã phát triển theo cấp số nhân bởi những lợi ích mà phương thức đào tạo này mang lại cho người học. Theo các tác giả Lê Văn Toán, Trương

Thị Diễm [3], cùng với xu hướng chung của thế giới, E-learning đã trở thành xu hướng tất yếu của giáo dục đại học tại Việt Nam, trở thành một phương thức đào tạo tiên tiến được nhiều trường đại học áp dụng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Theo tác giả Phạm Thị Linh [4], đào

* Trường Đại học Mở Hà Nội

tạo trực tuyến E-learning mang lại nhiều lợi ích như đơn giản và dễ tiếp cận đối với người học; tính linh hoạt giúp người học hoàn toàn chủ động về thời gian, không gian học, lựa chọn khoá học, nội dung học tập phù hợp giáo trình, tài liệu có tính đồng bộ cao... Vì thế, số lượng người đăng ký học đã tăng lên nhanh chóng trong thập kỷ vừa qua vì đào tạo từ xa (ĐTTX) nói chung cũng như đào tạo trực tuyến nói riêng cho phép người học có việc làm, có gia đình và các trách nhiệm khác có thể tham gia học tập cập nhật kiến thức, kỹ năng và đạt được trình độ học vấn cao hơn.

Những năm gần đây, tình trạng bỏ học được các nhà nghiên cứu quan tâm nhiều hơn khi việc này được coi là vấn đề cấp bách ở nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt là các nước đang phát triển. Nhiều nghiên cứu trong nước và trên thế giới đã chỉ ra những yếu tố tác động đến quyết định bỏ học của sinh viên, trong đó có sinh viên các trường đại học mở. Có nhiều nhóm yếu tố tác động đến việc sinh viên không thể hoàn thành khoá học và một trong đó là nhóm yếu tố nhân khẩu học (độ tuổi, giới tính, trình độ học vấn, dân tộc nghề nghiệp, tình trạng hôn nhân, mức thu nhập ...). Mục đích của nghiên cứu này chỉ ra các yếu tố độ tuổi, giới tính và trình độ học vấn có mức ảnh hưởng như thế nào đến quyết định bỏ học của sinh viên chương trình EHOU tại Trường ĐHMHN. Thông qua việc phân tích dữ liệu sinh viên EHOU đã nghỉ học có đầu vào trong khoảng thời gian 2018-2022, bài viết đề xuất một số giải pháp phù hợp nhằm giảm thiểu tỷ lệ bỏ học của sinh viên EHOU.

II. Cơ sở lý thuyết:

2.1. *Quyết định bỏ học của sinh viên đào tạo từ xa trực tuyến*

Theo tác giả Bean [6] sinh viên bỏ học là sinh viên rời trường trước khi đạt được mục đích, ở đây có thể hiểu là trước khi tốt nghiệp đại học. Còn theo tác giả Gury [7] bỏ học đại học là việc sinh viên sau khi quyết định nghỉ học không có ý định tiếp tục ngành học được đăng ký ban đầu, không muốn tiếp tục việc học tập tại cơ sở đang theo học nữa. Như vậy, định nghĩa về quyết định bỏ học theo đa số các nhà nghiên cứu là việc sinh viên dừng học, không hoàn thành khoá học đã đăng ký và không được tốt nghiệp. Quyết định bỏ học trong bài viết này được định nghĩa là việc sinh viên ĐTTX trực tuyến dừng học giữa chừng, không hoàn thành khoá học trực tuyến trình độ đại học và kết thúc quá trình đào tạo tại cơ sở đào tạo mà không được xét tốt nghiệp hay cấp bằng. Việc sinh viên ĐTTX trực tuyến bỏ học đang là vấn đề được các trường đại học nói chung và trường đại học mở nói riêng xem xét có tính cấp bách cần phải được giải quyết.

2.2. *Ảnh hưởng của các yếu tố nhân khẩu về giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn đến quyết định bỏ học của sinh viên EHOU*

Nhân khẩu học [11] là khoa học nghiên cứu về dân số trên các khía cạnh như: quy mô dân số, mật độ phân bố dân cư, tuổi tác, giới tính, dân tộc, nghề nghiệp và các chỉ tiêu thống kê khác. Nhân khẩu học rất hữu ích cho việc hiểu các vấn đề xã hội và kinh tế và xác định các giải pháp tiềm năng. Nhân khẩu học là một tập con của một dân số có chung một yếu tố như tuổi tác, thu nhập hoặc trình độ học vấn.

Nhân khẩu học rất quan trọng vì chúng cung cấp sự hiểu biết rộng rãi về các đặc điểm khác nhau của dân số. Các tổ chức, đặc biệt các doanh nghiệp cũng sử dụng nhân khẩu học để phát triển sự hiểu biết tốt hơn về khách hàng và từ đó lập các kế hoạch kinh doanh và chiến lược marketing [12]. Nhân khẩu là yếu tố đầu tiên quan trọng mà bất kì nhà quản trị marketing nào cũng phải quan tâm, vì nhân khẩu tạo ra khách hàng cho doanh nghiệp.

Nghiên cứu của Belloc & cộng sự [8] cho rằng Nhân khẩu học của sinh viên là một yếu tố có ảnh hưởng đến việc bỏ học ở bậc đại học, bao gồm các yếu tố chính như giới tính, tuổi, nơi cư trú, tình trạng hôn nhân và hoàn cảnh gia đình. Một số nhân tố mang tính cá nhân như giới tính hoặc tuổi tác cũng có mỗi ảnh hưởng với việc bỏ học hoặc kiên trì học tập lâu dài, như nam sinh có xác suất bỏ học cao hơn nữ sinh. Các yếu tố thuộc nhân khẩu học như giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn... có sự ảnh hưởng khác nhau đến tâm lý và hành vi của mỗi cá nhân trong xã hội. Nghiên cứu của Reynolds, Camp & Bygrave [9] cho thấy, các nhân tố nhân khẩu học (giới tính, độ tuổi, kinh nghiệm, khu vực sinh sống. v.v) có ảnh hưởng đến hành vi của mỗi cá nhân.

Đối với các trường đại học, đặc biệt các trường đại học mở thì yếu tố nhân khẩu học là những yếu tố ảnh hưởng lớn tới việc đăng ký học cũng như quyết định bỏ học của sinh viên. Trong phạm vi bài viết này giới hạn nghiên cứu sự ảnh hưởng của các nhân tố nhân khẩu học gồm: giới tính, độ tuổi và trình độ học vấn đến quyết định bỏ học của sinh viên EHOU tại Trường ĐHMHN.

- **Giới tính** là một yếu tố ảnh hưởng quan trọng đến hành vi của con người. Theo tác giả Bakshi [10] giữa nam giới và nữ giới có sự giáo dục và xã hội hoá khác nhau, cùng với nhiều yếu tố xã hội, sinh học và tâm lý khác. Do đó sự tác động của giới tính đến việc bỏ học của sinh viên EHOU giữa nam và nữ là khác nhau.

- **Độ tuổi** cũng một yếu tố có tác động lớn đến hành vi của con người. Ở những độ tuổi khác nhau con người nói chung, cụ thể với sinh viên ĐTTX trực tuyến sẽ có những áp lực, mối quan tâm hay trách nhiệm khác nhau do đó sẽ có tác động khác nhau đến nhu cầu học tập, đào tạo nâng cao trình độ và ảnh hưởng trực tiếp tới việc phải lựa chọn tiếp tục hoặc dừng học.

- **Trình độ học vấn** là một yếu tố tác động đến hành vi của con người. Trong đó có việc lựa chọn đăng ký khoá học và quyết định bỏ học. Mỗi sinh viên ở nhóm trình độ học vấn khác nhau có nhu cầu đào tạo nâng cao trình độ khác nhau. Tuy nhiên để có thể hoàn thành hay không hoàn thành khoá học, đặc biệt là chương trình EHOU thì phần lớn phụ thuộc vào khả năng tự học, tự nghiên cứu.

III. Phương pháp, vật liệu nghiên cứu:

Trong quá trình nghiên cứu, bài viết sử dụng các phương pháp:

- Phương pháp Thống kê: thu thập và tổng hợp số liệu từ các báo tổng kết, các văn bản, công trình được công bố liên quan đến nội dung nghiên cứu.

- Phương pháp so sánh, đối chiếu số liệu thống kê giữa các năm trong kỳ nghiên cứu để đánh giá thực trạng

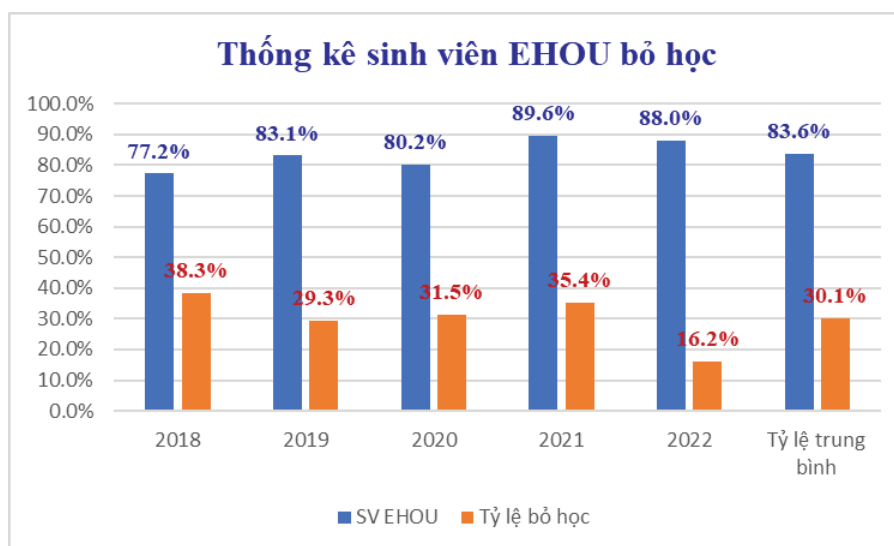
sinh viên đại học từ xa trực tuyến bỏ học tại Trường ĐHMHN.

- Phương pháp Phân tích tổng hợp dựa trên cơ sở lý thuyết và kết quả so sánh, đối chiếu số liệu thống kê về các yếu tố giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn để phân tích thực trạng sinh viên đại học từ xa trực tuyến bỏ học tại Trường ĐHMHN nhằm đưa ra các giải pháp giúp giảm thiểu tỷ lệ này.

IV. Kết quả và thảo luận:

Trong những năm gần đây, cơ cấu sinh viên ĐTTX trực tuyến trong tổng quy mô nhập học hình thức ĐTTX ngày càng tăng và chiếm đa số, trung bình giai đoạn 2018-2022 là 83.6%. Bên cạnh việc nhiều người đăng ký nhập học chương trình EHO, Trường ĐHMHN cũng phải đối mặt với vấn đề ngày càng nhiều sinh viên bỏ học với tỷ lệ trung bình là 30.1%.

Bảng 1: Thống kê sinh viên EHOU bỏ học năm 2018-2022



4.1. Tác động của các yếu tố nhân khẩu học đến quyết định bỏ học của sinh viên EHO

Nhóm yếu tố nhân khẩu học, cụ thể trong nghiên cứu này gồm 3 yếu tố (giới

Trong 5 năm qua, tỷ lệ sinh viên EHOU nhập học có tính ổn định, có sự biến động tăng giảm không đáng kể. Năm 2018 là năm có tỷ lệ sinh viên EHOU đăng ký học thấp nhất 77.2%, trái lại năm 2021 là năm có tỷ lệ cao nhất 89.6%. So với 2021 thì 2022 có sự giảm nhẹ 88.0%. Tính theo năm nhập học, năm có sinh viên EHOU bỏ học với tỷ lệ cao nhất là năm 2018 với 38.3%. Ngược lại năm 2022 có tỷ lệ sinh viên bỏ học thấp nhất là 16.2%. Như vậy sau khi hoàn tất thủ tục nhập học, việc sinh viên dừng học xuất hiện từ năm thứ nhất cho đến năm cuối của chương trình đào tạo. Hạn chế của nghiên cứu này là chưa xác định được tỷ lệ sinh viên bỏ học theo năm trong quá trình đào tạo. Bởi trong thời gian ngắn không thể thực hiện khảo sát hơn 7000 sinh viên EHOU đã bỏ học theo báo cáo [1,2] mà nhóm tác giả thu thập được.

tính, độ tuổi, trình độ học vấn) có tác động khác nhau đến việc sinh viên EHOU bỏ học. Việc hiểu rõ nguyên nhân bỏ học của từng nhóm đối tượng sẽ là cơ sở giúp xây dựng kế hoạch học tập cá nhân phù hợp với điều kiện học tập của từng nhóm. Dựa

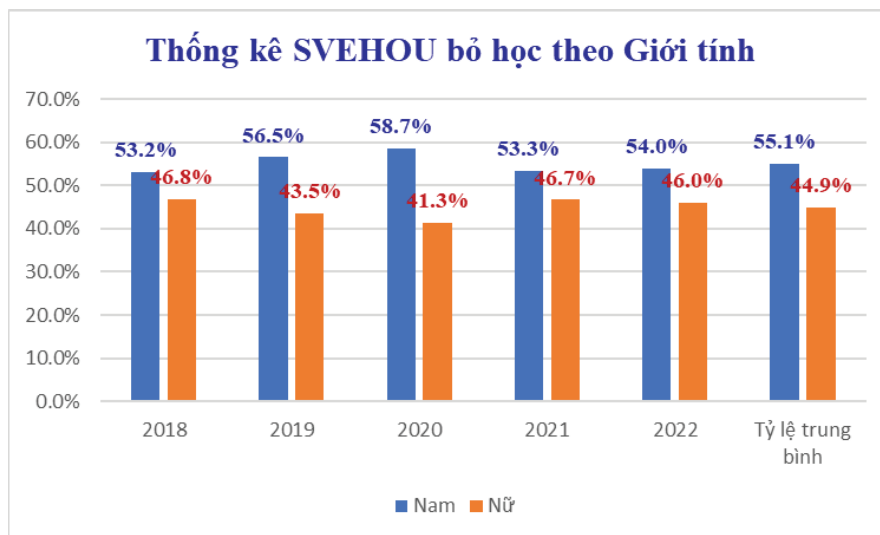
trên báo cáo, thống kê nhóm tác giả thu thập được [1,2] đã thực hiện phân tích tác động của từng yếu tố đến việc từng nhóm sinh viên từ xa trực tuyến bỏ học.

4.1.1. Tác động của yếu tố giới tính

Theo bảng số liệu về giới tính của sinh viên EHOUE đã bỏ học, có thể thấy hàng năm nam giới có xu hướng bỏ học cao hơn nữ giới. Trung bình chênh lệch bỏ học giữa nam và nữ sinh viên cao hơn 10%, trong đó năm 2018 chênh lệch thấp nhất 6.4% và năm 2020 cao nhất 17.4%. Tỷ lệ trung bình của nam giới và nữ giới lần lượt là 55.1% và 44.9%. Trong giai

đoạn 5 năm (từ năm 2018 đến năm 2022), hàng năm nam giới có tỷ lệ bỏ học cao hơn nữ giới và đều từ 53% trở lên. Trong đó năm có tỷ lệ nam giới bỏ học cao nhất là năm 2020 với tỷ lệ 58.7%. Ngược lại, năm thấp nhất là 2018 với tỷ lệ 53.2%. Đối với nữ giới, tỷ lệ bỏ học hàng năm không vượt quá 47%. Trong đó lần lượt năm thấp nhất và cao nhất có tỷ lệ là 41.3%, 46.8%. Nhìn chung tuy có sự khác nhau nhưng không có sự chênh lệch quá lớn giữa nam và nữ sinh viên khi quyết định bỏ học đại học từ xa theo phương thức trực tuyến trong những năm gần đây tại Trường ĐHMHN.

Bảng 2: Thống kê sinh viên EHOUE bỏ học năm 2018-2022 theo giới tính



4.1.2. Tác động của yếu tố độ tuổi

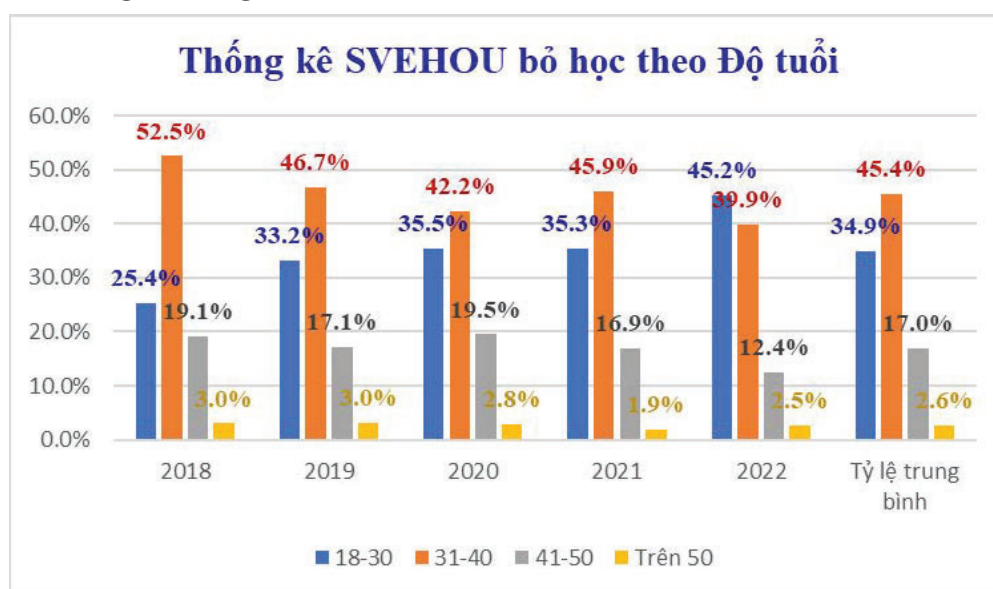
Theo dữ liệu thống kê bỏ học của sinh viên EHOUE về độ tuổi, độ tuổi được chia thành 04 khoảng gồm 18-30 tuổi, 31-40 tuổi, 41-50 tuổi và trên 50 tuổi. Tỷ lệ bỏ học trung bình của từng độ tuổi lần lượt là 34.9%, 45.4%, 17% và 2.6%. Có thể nhận thấy rõ trên biểu đồ thống kê rằng, sinh viên EHOUE trong độ tuổi 31-40 chiếm tỷ lệ cao hơn khá nhiều so với các nhóm tuổi khác là 45.4%. Theo sau là độ tuổi 18-30 và chiếm tỷ lệ ít nhất là độ

tuổi trên 50. Năm 2018 là năm mà sinh viên EHOUE có độ tuổi 31-40 có tỷ lệ bỏ học cao nhất với 52.5%, tuy nhiên đây cũng là độ tuổi có xu hướng giảm dần đến năm 2022 là thấp nhất với 39.9%. Theo sau là độ tuổi 18-30 và chiếm tỷ lệ ít nhất là độ tuổi trên 50. Ngược lại với độ tuổi 31-40 thì độ tuổi 18-30 có xu hướng bỏ học ngày càng tăng. Từ năm 2018 có tỷ lệ thấp nhất với 25.4% đến năm 2022 có tỷ lệ cao nhất với 45.2%. Với độ tuổi trên 50 là nhóm độ tuổi luôn có tỷ lệ bỏ học thấp

nhất do tương ứng là nhóm tuổi có tỷ lệ sinh viên nhập học thấp nhất. Tỷ lệ bỏ học của nhóm tuổi này dao động từ 1.5-3%. Qua các năm không có biến động lớn với sinh viên EHOU trong độ tuổi 41-50, tỷ lệ bỏ học của nhóm này hàng năm không vượt quá 20%. Mỗi khoảng độ tuổi được chia trong nghiên cứu này có tác động với tỷ lệ khác nhau đến việc bỏ học của sinh viên EHOU. Chia thành hai nhóm tác động mạnh và nhẹ thì độ tuổi 31-40 và 18-

30 thuộc nhóm có mức độ tác động mạnh, độ tuổi 41-50 và trên 50 thuộc nhóm có mức tác động nhẹ. Giữa hai nhóm trong cùng nhóm tác động mạnh hoặc nhẹ có tỷ lệ tác động không tương đương. Mức độ tác động giữa hai khoảng độ tuổi trong cùng một nhóm có sự chênh lệch trên 10%, giữa độ tuổi 31-40 với 18-30 chênh lệch cao hơn 10.5% và tương ứng giữa độ tuổi 41-50 và trên 50 chênh lệch cao hơn là 14.4%.

Bảng 3: Thống kê sinh viên EHOU bỏ học năm 2018-2022 theo độ tuổi



4.1.3. Tác động của yếu tố trình độ học vấn

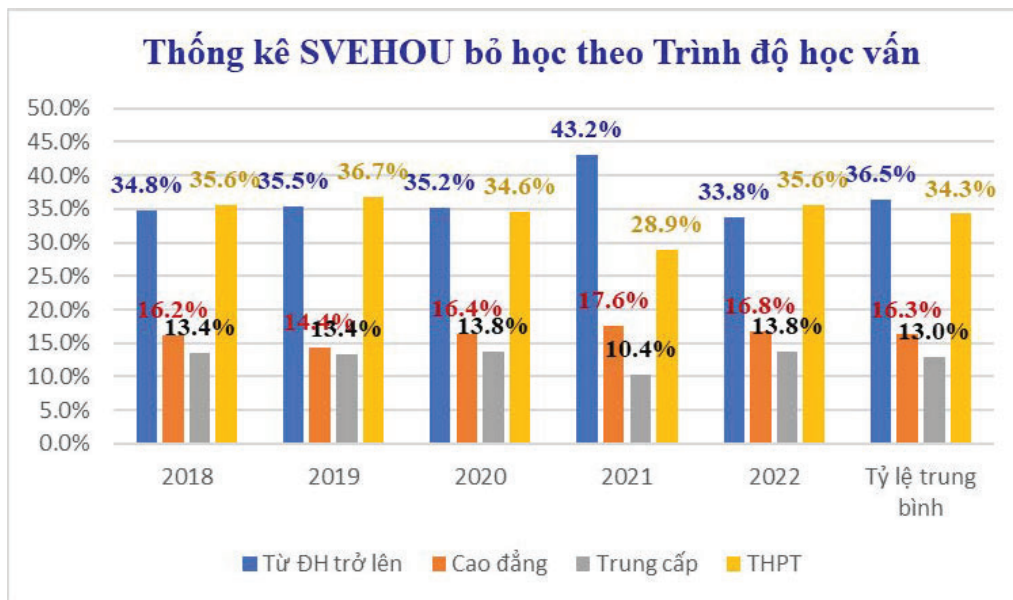
Về yếu tố trình độ học vấn, dữ liệu thống kê về sinh viên EHOU bỏ học được chia thành 4 nhóm gồm từ đại học trở lên, cao đẳng, trung cấp và trung học phổ thông (THPT). Đây là 4 nhóm lớn thể hiện trình độ học vấn của sinh viên nhập học ĐTTX nói chung và đào tạo trực tuyến nói riêng tại Trường ĐHMHN. Dữ liệu thống kê cho thấy rằng có 2 nhóm có tỷ lệ bỏ học cao và chiếm đa số trong 4 nhóm là nhóm có trình độ từ đại học trở lên và nhóm có trình độ trung học phổ thông. Tỷ

lệ bỏ học trung bình của 4 nhóm từ đại học trở lên, cao đẳng, trung cấp và THPT lần lượt là 36.5%, 16.3%, 13% và 34.3%. Đối với nhóm sinh viên EHOU bỏ học có trình độ từ đại học trở lên, năm có tỷ lệ bỏ học cao nhất với 43.2% là năm 2021. Ngược lại, năm 2022 là năm nhóm này có tỷ lệ bỏ học thấp nhất với 33.8%. Theo sau là nhóm có trình độ trung học phổ thông, trong đó năm có tỷ lệ bỏ học thấp nhất là năm 2021 với 28.9%, trái lại năm có tỷ lệ bỏ học cao nhất là năm 2019 với 35.6%. Nhóm có tỷ lệ bỏ học thấp nhất là nhóm có trình độ trung cấp và hàng năm

không vượt quá 14%. Như yếu tố độ tuổi, với bốn nhóm trình độ học vấn tác động đến quyết định bỏ học với tỷ lệ khác nhau và cũng phân hoá thành 2 nhóm tác động mạnh và nhẹ. Trong đó, nhóm trình độ từ đại học trở lên và THPT thuộc nhóm có tác động mạnh; nhóm trình độ trung cấp

và cao đẳng thuộc nhóm có tác động nhẹ. Tuy nhiên, khác với yếu tố độ tuổi thì 2 nhóm trình độ học vấn thuộc nhóm tác động mạnh hoặc nhẹ có cùng khoảng tỷ lệ, cùng mức độ tác động tương đương đến quyết định bỏ học của sinh viên EHOU tại Trường ĐHMHN.

Bảng 4: Thống kê sinh viên EHOU bỏ học năm 2018-2022 theo trình độ học vấn



4.2. Giải pháp giảm thiểu tỷ lệ sinh viên EHOU bỏ học:

Trước thực trạng được phân tích ở trên, tác giả đưa ra một số giải pháp nhằm giảm thiểu tình trạng sinh viên EHOU bỏ học tại Trường ĐHMHN. Mỗi giải pháp có ưu, nhược điểm và mức độ khả thi khác nhau nhưng cùng hướng tới mục tiêu là tác động làm giảm tỷ lệ bỏ học trung bình năm đến năm 2030 của sinh viên EHOU xuống còn 18%.

4.2.1. Giải pháp áp dụng nhân khẩu học trong marketing đào tạo từ xa trực tuyến:

Tìm hiểu và áp dụng nhân khẩu học trong marketing ĐTTX là một bước quan trọng giúp Trường ĐHMHN phát

triển và duy trì ổn định quy mô tuyển sinh và ĐTTX nói chung và đào tạo trực tuyến nói riêng. Chia các phân khúc thị trường theo nhân khẩu học gồm độ tuổi, giới tính, trình độ học vấn, nghề nghiệp, mức thu nhập, dân tộc, tình trạng hôn nhân và một số yếu tố khác giúp Trường ĐHMHN có thể xác định được các nhóm người học tiềm năng tương ứng với các yếu tố nhân khẩu học. Để chiến lược marketing đào tạo trực tuyến có thể đạt được hiệu quả truyền thông và quảng bá chương trình đào tạo đến đúng đối tượng mục tiêu thì Trường ĐHMHN cần phải nghiên cứu nhiều hơn chuyên sâu về các yếu tố nhân khẩu quan trọng như nghiên cứu đã đề cập là giới tính, độ tuổi và trình độ học vấn.

Tuổi tác là yếu tố đầu tiên ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu dùng nói chung và nhu cầu học tập nâng cao trình độ nói riêng. Ở mỗi độ tuổi nhất định, con người sẽ có những sở thích, nhu cầu khác nhau. Nhu cầu học tập theo đó cũng khác nhau như đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn, đào tạo dài hạn cấp bằng đại học hay đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ... Nâng cao khả năng tự nhận thức của sinh viên EHOU về hậu quả của việc bỏ học giữa sinh viên ở các độ tuổi cũng như trình độ học vấn trong từng kỳ học. Không thể hoàn thành khoá học đại học trực tuyến có những tác động trực tiếp đến sinh viên gồm giảm cơ hội việc làm, phát triển nghề nghiệp, thu nhập cao hơn, kìm hãm sự phát triển tầm nhìn và mở rộng mối quan hệ, lãng phí thời gian và nguồn tài chính đã chi trả cho việc học mà không thể nhận bằng tốt nghiệp... Khi tự nhận thức được hậu quả sinh viên sẽ phát huy được khả năng lập và thực hiện kế hoạch cá nhân, trong đó có kế hoạch học tập và đặt mục tiêu hoàn thành với sự quyết tâm cao. Với mỗi nhóm độ tuổi và trình độ học vấn khác nhau có trách nhiệm và mục tiêu khác nhau, do đó hạn chế về độ tuổi cũng như trình độ của từng nhóm cũng sẽ là điểm mạnh giúp sinh viên tự khai thác, vận dụng để có thể hoàn thành khoá học với thời gian và chi phí tối ưu nhất.

Tâm lý tiêu dùng của nam giới là khác so với nữ giới. Trong việc chi tiêu cho nhu cầu học tập cũng vậy, nữ giới thường lựa chọn theo cảm tính, cảm nhận của bản thân về sản phẩm, dịch vụ nói chung. Với những sản phẩm, dịch vụ được nhiều đánh giá từ những người mua trước thì nữ giới sẽ lựa chọn ưu tiên đầu tiên. Do vậy chương trình đào tạo đại học

được nhiều người quảng bá, được chia sẻ tốt về cơ sở đào tạo sẽ khiến nữ giới cân nhắc lựa chọn theo học. Ngược lại, nam giới có xu hướng tuân theo quy trình nhanh chóng và dễ dàng, thông tin cung cấp tương đối đầy đủ từ người tư vấn để đưa ra quyết định đăng ký học. Đồng thời tăng cường nhận thức về bình đẳng giới trong việc học tập, đào tạo nâng cao trình độ giúp cho sinh viên không phân biệt giới tính có khả năng tập trung cao trong việc tham gia quá trình đào tạo đại học, có thể hoàn thành khoá học không bị ảnh hưởng bởi trách nhiệm giới tính. Thông qua việc tuyên truyền kết hợp trong quá trình đào tạo tại nhà trường; tuyên truyền thông qua các hình thức khác (mạng xã hội, sự kiện khai giảng, tốt nghiệp...) giúp thay đổi nhận thức vì sự tiến bộ của phụ nữ. Hướng tới mục tiêu giảm tỷ lệ sinh viên nam và nữ bỏ học và tương đương nhau, chênh lệch không quá 3%. Bình đẳng giới trong giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng cũng góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho xã hội.

Mỗi nhóm người học tiềm năng ở trình độ học vấn khác nhau sẽ có nhu cầu học tập khác nhau. Nhu cầu học tập là đa dạng về ngành nhưng trong giới hạn nghiên cứu chỉ tập trung phân tích tác động theo nhóm trình độ học vấn gồm đại học và trên đại học, cao đẳng, trung cấp và trung học phổ thông.

Như vậy, Nhà trường cần xác định được phân khúc người có nhu cầu học theo từng nhóm yếu tố nhân khẩu học. Từ đó đổi mới lập chiến lược marketing, kịch bản tư vấn tuyển sinh và lộ trình hỗ trợ, phục vụ người học trong quá trình đào tạo riêng cho từng nhóm đối tượng có tính đến yếu tố độ tuổi, giới tính, trình độ học vấn.

Điều này giúp cho người học nắm rõ được kế hoạch học tập toàn khoá, lập dự trù ngân sách học đại học trước khi nhập học và giảm thiểu sự gián đoạn, hoặc phát sinh không thể điều chỉnh dẫn đến phải quyết định bỏ học.

4.2.2. Giải pháp áp dụng nhân khẩu học trong thiết kế chương trình đào tạo từ xa trực tuyến:

Trong ĐTTX nói chung và ĐTTX trực tuyến nói riêng có đối tượng người học đặc thù hơn các hình thức đào tạo khác là tổ chức đào tạo chung đa dạng các đối tượng có trình độ học vấn, độ tuổi, nghề nghiệp và sinh sống ở các khu vực khác nhau. Phân tích các đặc điểm nhân khẩu học cơ bản về giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn là căn cứ để nhà trường có thể nghiên cứu, xây dựng khung chương trình đào tạo phù hợp nhất với từng nhóm đối tượng. Trong đó yếu tố trình độ đầu vào là yếu tố đóng vai trò quan trọng quyết định trong việc xác định loại học phần và tổng số tín chỉ cho từng nhóm đối tượng. Có thể phân loại nhóm đối tượng để thiết kế chương trình đào tạo theo 1 trong 2 cách như sau:

- Cách thứ nhất 4 nhóm trình độ có tính đến yếu tố ngành/ lĩnh vực đã được đào tạo gồm: (1) nhóm THPT và trung cấp khác ngành; (2) nhóm trung cấp cùng ngành và cao đẳng khác ngành; (3) nhóm cao đẳng cùng ngành và đại học khác khối ngành/ lĩnh vực; (4) nhóm đại học cùng khối ngành/ lĩnh vực và sau đại học.

- Cách thứ hai 4 nhóm trình độ, không tính đến yếu tố ngành/ lĩnh vực đã được đào tạo gồm: (1) nhóm THPT; (2) nhóm trung cấp; (3) nhóm cao đẳng; (4) nhóm từ đại học trở lên.

Trong giới hạn nghiên cứu này đề xuất 2 cách phân loại nhóm đối tượng, mỗi cách gồm có 4 nhóm mang tính đại diện lớn bởi nếu triển khai cùng lúc quá nhiều chương trình đào tạo khác nhau sẽ gây khó khăn cho công tác tổ chức đào tạo, thiết kế hệ thống đào tạo trực tuyến, kinh phí triển khai đào tạo. Mỗi cách phân loại nhóm đối tượng sẽ có ưu và nhược điểm khác nhau, tuy nhiên không thể thiết kế chương trình theo đối tượng với nhiều yếu tố chi tiết. Lựa chọn thiết kế chương trình đào tạo theo phân loại đối tượng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến lộ trình đào tạo, thời gian và chi phí đào tạo. Bên cạnh đó, đào tạo theo đối tượng sẽ giảm thiểu thời gian, nhân lực thực hiện quy trình xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ đã học, đồng thời tăng hiệu quả cho công tác tư vấn vì cán bộ tuyển sinh có thể xác định được tổng số tín, các học phần được đào tạo theo trình độ học vấn. Sinh viên nắm được lộ trình cụ thể ngay từ giai đoạn tìm hiểu, được tư vấn chi tiết sẽ tăng mức độ tin cậy cũng góp phần phát triển quy mô tuyển sinh và đào tạo từ xa. Thiết kế chương trình đào tạo từ xa trực tuyến áp dụng nhân khẩu học cần đảm bảo tính đại diện, hiệu quả và tiết kiệm vừa giúp sinh viên được học theo năng lực vừa có thể duy trì, phát triển quy mô ĐTTX trực tuyến theo đúng lợi ích góp phần xây dựng xã hội học tập.

4.2.3. Giải pháp nâng cao kỹ năng tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên EHOU trước khoá học:

Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu là rất quan trọng đối với hình thức ĐTTX nói chung và ĐTTX trực tuyến nói riêng. Đối với đào tạo chương trình EHOU, sinh viên trước khi bắt đầu khoá học được trang bị kiến thức về E-learning và các kỹ năng cá

nhân để có thể hiểu được hình thức đào tạo, giúp sinh viên nhận thức rõ trách nhiệm, phương pháp học tập để có thể đạt được hiệu quả tốt nhất. Sau mỗi khoá nhập học cần thực hiện khảo sát ý kiến sinh viên về chất lượng và hiệu quả đào tạo của các học phần điều kiện này. Từ kết quả khảo sát sinh viên, đánh giá sinh viên sau học phần điều kiện Nhà trường nghiên cứu và định kỳ thực hiện cải tiến nội dung, phương pháp đào tạo, thiết kế học liệu điện tử có tính cập nhật, phù hợp với nhu cầu thực tế.

Trong khả năng tự học và tự nghiên cứu về giới tính không có sự khác biệt rõ rệt giữa nam và nữ. Nhưng đối với từng nhóm đối tượng có độ tuổi và trình độ học vấn khác nhau thì có sự nhận thức và năng lực tư duy khác nhau. Do đó học phần điều kiện cần được cải tiến đào tạo theo đối tượng căn cứ theo độ tuổi và trình độ học vấn. Điều này giúp hạn chế tạo cảm giác nhàm chán cho đối tượng đã có một bằng cao đẳng, đại học trở lên hoặc đã hoàn thành một ngành đào tạo trực tuyến ở Trường ĐHMHN; tạo hứng thú học tập với kiến thức mới, kỹ năng mới hoặc có mức độ chuyên sâu, mở rộng hơn.

Bên cạnh đó để có thể tự học, tự nghiên cứu tốt thì cần tăng cường sự tiếp xúc, trao đổi giữa các sinh viên EHOU kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp. Sinh viên EHOU hoạt động chủ yếu trong môi trường trực tuyến cũng là một hạn chế không thể phát huy hết khả năng hoạt động nhóm và mở rộng quan hệ, cũng như giảm sự nhay bén của năng lực tư duy trong các tình huống. Do đó cần tăng cường hiệu quả, chất lượng nội dung hỏi đáp khi thảo luận trên diễn đàn học tập; lập kế hoạch lớp Vclass với thời gian phù hợp để đa số sinh viên có thể tham gia tương tác; xây

dựng đa dạng môi trường kết nối trực tuyến không chỉ bó hẹp trong hệ thống học tập trực tuyến như nhóm liên lạc phổ biến qua ứng dụng Zalo, Messenger, Google Meet, Zoom...; khuyến khích sinh viên tự xây dựng kế hoạch học nhóm, thảo luận nhóm trực tiếp; thực hiện các buổi toạ đàm, chuyên đề đáp ứng nhu cầu thực tế của sinh viên.

4.2.4. Giải pháp nâng cao chất lượng hỗ trợ, phục vụ sinh viên EHOU trong quá trình đào tạo

Nhà trường cần rà soát, hoàn thiện đội ngũ cán bộ hỗ trợ, phục vụ sinh viên EHOU đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng có khả năng đáp ứng hỗ trợ, phục vụ tương ứng với quy mô ĐTTX trực tuyến. Kịp thời giải quyết các vấn đề sinh viên gặp phải trong quá trình học tập như thủ tục hành chính, sử dụng hệ thống học, nghiên cứu học liệu điện tử, quy trình trao đổi trên diễn đàn ... Sinh viên EHOU có những điểm đặc thù có thể học tập mọi lúc mọi nơi, do đó đội ngũ hỗ trợ, phục vụ cũng cần được thiết lập có khả năng đáp ứng trong và ngoài giờ hành chính. Hướng tới hỗ trợ, phục vụ 24/7 và tăng cường nhân lực trực ngoài giờ hành chính vì đa số sinh viên EHOU học tập, trao đổi, có nhu cầu giải đáp thắc mắc ngoài giờ hành chính. Hướng tới tin học hoá công tác hỗ trợ, phục vụ sinh viên bằng công nghệ AI trong tương lai. Chatbot giáo dục, hệ thống cá nhân hoá học tập cung cấp sự hỗ trợ cho sinh viên trong việc ôn tập, giải đáp thắc mắc trong thời gian ngắn nhất, theo dõi được tiến trình học tập của sinh viên và có khả năng đề xuất nội dung luyện tập, kiểm tra phù hợp với khả năng và tiến độ của từng sinh viên. Đồng thời giảm khối lượng, áp

lực công việc cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ, phục vụ sinh viên, giúp họ tập trung hơn vào sinh viên, phân tích được quá trình học tập của từng sinh viên để nhận biết và phản hồi kịp thời. Khi công tác hỗ trợ, phục vụ sinh viên được kịp thời sẽ tạo động lực, tăng hứng thú học tập cao hơn và hạn chế tình trạng mất phương hướng dẫn đến sinh viên quyết định bỏ học, đặc biệt là nhóm sinh viên có tỷ lệ bỏ học cao trong độ tuổi 31-40 và nhóm sinh viên có trình độ THPT, ĐH trở lên.

Bên cạnh đó cần kịp thời nắm bắt được các ảnh hưởng không từ cơ sở đào tạo khiến sinh viên không thể học tập thường xuyên có nguy cơ dẫn đến việc bỏ học, như các yếu tố cá nhân về sức khỏe, năng lực tiếp thu, một số yếu tố khác như gia đình, thu nhập, công việc ... Đội ngũ hỗ trợ, phục vụ sinh viên có thể chủ động tư vấn giúp sinh viên giải quyết vấn đề, điều chỉnh hoặc tiếp tục hoàn thành kế hoạch học tập. Thực hiện chia nhỏ lớp hành chính theo nhóm có cùng đặc điểm giới tính, độ tuổi và trình độ học vấn để có thể tư vấn cùng lúc những vấn đề thường gặp ở nhóm đối tượng đó. Nhóm đối tượng có cùng đặc điểm nhân khẩu học sẽ dễ dàng chia sẻ, trao đổi và tìm hướng giải quyết những vấn đề chung gặp phải trong quá trình học tập.

4.2.5. Giải pháp nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho sinh viên EHO:

Đối với sinh viên ĐTTX trực tuyến ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) là một năng lực có vai trò quan trọng. Năng lực ứng dụng CNTT giúp sinh viên EHO có thể tham gia học tập theo phương thức trực tuyến được hiệu quả. Việc tiếp cận

và sử dụng thành thạo các công cụ công nghệ hỗ trợ cho việc học tập trực tuyến là yêu cầu cần và đủ để sinh viên có thể hoàn thành khoá học một cách thuận lợi. Do đó, cần tập trung cải thiện, nâng cao năng lực CNTT cho đối tượng sinh viên có trình độ THPT và từ 40 tuổi trở lên.

Để nâng cao năng lực CNTT cho sinh viên EHO cần: (1) hình thành ở sinh viên EHO các độ tuổi, các trình độ đầu vào có kiến thức chung về năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển những thành phần năng lực công nghệ thông tin cho sinh viên thông tin các học phần trong quá trình đào tạo hoặc tại các hoạt động ngoại khoá theo nhu cầu; (2) hình thành động cơ và nhu cầu để sinh viên EHO có trình độ THPT sẵn sàng phát triển năng lực cũng như hiểu được ý nghĩa của việc ứng dụng CNTT trong học tập trực tuyến; (3) đổi mới việc thực hiện kế hoạch học tập, tự nghiên cứu học liệu cũng như nghiên cứu mở rộng trên thư viện điện tử, phương pháp kiểm tra đánh giá bằng việc nâng cấp hệ thống công nghệ hiện đại; (4) thường xuyên khuyến khích, động viên sinh viên EHO, đặc biệt là trong độ tuổi 31-40 thực hiện kế hoạch học phần, luyện tập có sử dụng CNTT và biết cách tìm kiếm tài liệu số phù hợp với mục tiêu học tập của từng học phần.

IV. Kết luận

Tóm lại, việc có nhiều sinh viên không thể hoàn thành bằng đại học từ xa trực tuyến có thể dẫn đến ảnh hưởng không tốt tới các trường đại học như giảm nguồn thu và năng lực cạnh tranh của nhà trường. Một trong những giá trị cốt lõi là mang lại dịch vụ hoàn hảo cho người học nên Trường ĐHMHN rất quan tâm đến

vấn đề bỏ học của sinh viên nói chung và sinh viên EHOU nói riêng. Vì vậy đã tiến hành các nghiên cứu thực nghiệm về vấn đề này, trong đó nghiên cứu này chỉ ra tác động của nhóm yếu tố nhân khẩu học gồm (1) giới tính, (2) độ tuổi và (3) trình độ học vấn đến quyết định bỏ học của sinh viên EHOU. Dựa trên kết quả phân tích dữ liệu sinh viên bỏ học, bài viết đề xuất một số giải pháp giúp giảm tỷ lệ bỏ học và duy trì ổn định quy mô đào tạo trực tuyến tại Trường ĐHMHN: (1) áp dụng nhân khẩu học trong marketing ĐTTX trực tuyến; (2) áp dụng nhân khẩu học trong thiết kế chương trình ĐTTX trực tuyến; (3) nâng cao kỹ năng tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên EHOU trước khoá học; (4) nâng cao chất lượng hỗ trợ, phục vụ sinh viên EHOU trong quá trình đào tạo; (5) nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho sinh viên EHOU.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Trường Đại học Mở Hà Nội (2022), Danh sách sinh viên từ xa ngừng học, bảo lưu kèm theo Quyết định số 4964 / QĐ-ĐHM ngày 28/12/2022.
- [2]. Trường Đại học Mở Hà Nội (2023), Báo cáo thống kê sinh viên từ xa trực tuyến nghỉ học tại Hệ thống quản lý tuyển sinh từ xa.
- [3]. Lê Văn Toán, Trương Thị Diễm (2020), Một số giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo trực tuyến trong giáo dục đại học trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, Tạp chí Giáo dục, Số đặc biệt kì 2, tháng 05-2020.
- [4]. Phạm Thị Linh (2021), Đào tạo trực tuyến ở các trường đại học tư thục Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, Tạp chí giáo dục, Số 496 kì 2, tháng 02-2021.
- [5]. Đinh Bá Hùng Anh, Nguyễn Thị Thanh Diễm, Võ Thị An Nhi (2021), Phân tích nguyên nhân sinh viên nghỉ học tại Trường Đại học Phan Thiết, Tạp chí Công thương, Số 16, tháng 07-2021.
- [6]. Bean, J.P. (1980), Dropouts and turnover: The synthesis and test of a causal model of student attrition. *Research in higher education*, 12(2), 155-187
- [7]. Gury, N. (2011), Dropping out of higher education in France: A micro-economic approach using survival analysis. *Education Economics*, 19(1), 51-64
- [8]. Belloc, F., Maruott, A., & Petrella, L. (2011), "How individual characteristics affect university students drop-out: a semiparametric mixed-effects model for an Italian case study". *Journal of applied Statistics*, 38(10), 2225-2339.
- [9]. Reynolds, P. D., Camp, S. M., & Bygrave, W. D. (2001). *Global Entrepreneurship Monitor*. London.: Babson College, IBM, Kauffman Center for Entrepreneurial Leadership and London Business School,.
- [10]. Bakshi, S. (2012), "Impact of gender on consumer purchase behavior", *Journal of Research in Commerce and Management*, Vol. 1 No. 9, pp. 1-8.
- [11]. [https://vi.wikipedia.org/wiki/Nhân_khẩu_học](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0n_kh%C3%A0u_h%E1%BB%99c)
- [12]. <https://www.brandsvietnam.com/congdong/topic/25698-Nhan-khau-hoc-la-gi-Ung-dung-nhan-khau-hoc-trong-cac-doanh-nghiep>
- [13]. <https://luatvietnam.vn/linh-vuc-khac/nhan-khau-hoc-la-gi-883-93827-article.html>
- [14]. <https://tpos.vn/blog/nhan-khau-hoc-la-gi-tai-sao-can-ap-dung-vao-kinh>

- doanh-t120546.html
- [15]. <https://bizfly.vn/techblog/nhan-khau-hoc-la-gi.html>
- [16]. <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/phan-tich-anh-huong-cua-cac-yeu-to-gioi-tinh-nganh-hoc-hoat-dong-tinh-nguyen-giao-duc-dao-duc-den-nhan>

thuc-trach-nhiem-xa-hoi-cua-sinh-vien-khoa-kinh-te-truong-dai-hoc-an-giang-89094.htm

Nghiên cứu này được tài trợ bởi đề tài cấp Trường Đại học Mở Hà Nội, mã số MHN2023-02.23

RESEARCH SOME DEMOGRAPHIC FACTORS AFFECTING THE DROPOUT RATE OF E-LEARNING STUDENTS

Nguyen Quynh Anh[†], Nguyen Thi Huong An[†]

Abstract: *Open and Distance Education (ODE) has been formed and developed in many years to contribute a worldwide learning society. OPEN Universities, including Hanoi Open University (HOU), has made a great impact of ODE on more and more people participating in learning. Participating in an online course, learners can save travel costs and time because ODE provides flexible schedule that allow them to study any time anywhere with online learning system. However, in the training process in recent years, it is also found that the situation of students not completing one or several subjects leads to an increase in not completing the online course (EHOU). The analysis is based on a review of existing material (statistical data, reports...) and focuses on the students had been dropout from EHOU program. The data were analysed using descriptive statistics, comparative method and meta-analytic method. Based on the results of analyzing the impact of demographic factors (gender, age, education level), the authors propose a number of solutions to reduce the dropout rate of EHOU students.*

Keywords: *Hanoi Open University, dropout students, e-learning, demographic factors, demographic characteristics*

[†] Hanoi Open University